TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh
Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28/4/2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim Y – sinh năm 2000 (có mặt);
Địa chỉ: ấp TT, xã TQ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Anh Trần Chí Đ – sinh năm 1988 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp ấp TT, xã TQ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Vào năm 2018, chị kết hôn cùng với anh Trần Chí Đ, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh Đ có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ hay ghen

tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên tranh cải, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng tự ly thân với nhau từ đó cho đến nay khoảng 02 năm nay. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh Đ không có liên lạc với nhau, cũng không có gặp mặt và không hòa giải được với nhau. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên: Trần Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày 09/8/2019. Hiện nay, cháu Đ1 đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng cũng không có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu được ly hôn với anh Trần Chí Đ; Về con chung, chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Trần Nguyễn Hải Đ1, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Chí Đ không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh Đ nhưng anh không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Trần Chí Đ; Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày 09/8/2019 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận việc chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Nguyễn Thị Kim Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí Đ được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được

quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Trần Chí Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Đ không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Trần Chí Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 16/11/2018, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Trần Chí Đ vì lý do anh Đ và chị có quá nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên tranh cải, không hạnh phúc do đó, chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Đối với anh Trần Chí Đ, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh Trần Chí Đ đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Y khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh Đ và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh Đ. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị không có tìm hiểu kỹ nên khi về sống chung một thời gian thì bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim Y xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày 09/8/2019. Hiện nay, cháu Đ1 đang

sống cùng với chị Y nên chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu Đ1 sống cùng với chị Y và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên việc chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ1 là phù hợp với thực tế và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị Yến không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị Yến phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Trần Chí Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày 09/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Chí Đ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Y phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002786, ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/7/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Thới Quản;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập